

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO PHONG
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19/4/2021
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Vũ Duy Tân.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Duy.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX - ST ngày 11 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01, ngày 29/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Ngọc K** - Sinh năm 1992; (*có mặt*)

Cư trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện C, tỉnh H.

Bị đơn: Chị **Bùi Nhật L** - Sinh năm 1996; (*vắng mặt không có lý do*)

Cư trú tại: Xóm B, xã T, huyện C, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/12/2020, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Nhật L đăng ký kết hôn ngày 28/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Thu Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh K và chị L về sống tại xóm Đ, xã T, huyện C, tỉnh H. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do chị L thường xuyên quan hệ bạn bè ham chơi, không chịu lao động, hai bên vợ chồng không cùng quan điểm sống dẫn

đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau, mặt khác chị L bỏ nhà đi đâu không ai rõ, bỏ bê không quan tâm đến chồng con. Hiện tại anh K và chị L đã sống ly thân khoảng 3 năm, chị L đã bỏ về nhà ngoại sống, kể từ thời điểm đó anh chị không gặp nhau mà chỉ trao đổi qua điện thoại và tin nhắn. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Nhật L.

Về con chung: Anh K và chị L có một con chung là Trần Bảo Trâm, sinh ngày 18/5/2015. Hiện tại cháu đang ở với chị L và bà ngoại là mẹ của chị L, sức khỏe của cháu tốt, phát triển bình thường. Khi ly hôn anh K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, lý do vì chị L đi làm xa ít quan tâm đến con, bỏ con cho bà ngoại (mẹ chị L) chăm sóc nên không đảm bảo được việc nuôi con. Anh K chưa đề nghị chị L cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Nhật L cố tình vắng mặt, Toà án đã tiến hành xác minh được biết chị L đi đâu không khai báo với chính quyền địa phương, tuy nhiên thỉnh thoảng chị L vẫn về qua nhà và có nhắn tin qua điện thoại với anh K nhưng không cho anh K biết địa chỉ chị đang ở đâu, thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Toà án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Toà án đã thực hiện thủ tục cấp tổng đạt và niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tuy nhiên chị L không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Toà án không thể ghi nhận được lời khai của chị L.

Ông Nguyễn Đức Trịnh, trưởng xóm Đ, xã Thu Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình xác nhận: Theo ông được biết cũng như thông tin hàng xóm của gia đình anh K đầu năm 2017 chị L mang con về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay không thấy chị L quay lại.

Ông Bùi Văn Biện, trưởng xóm B, xã Thu Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình xác nhận: Theo ông được biết cũng như thông tin hàng xóm của gia đình chị L đầu năm 2017 chị L mang con về nhà mẹ đẻ sinh sống và để con cho mẹ là bà Bùi Thị Hợp chăm sóc nuôi dưỡng, bà Hợp cho biết chị L đi làm công nhân ở Bắc Ninh nhưng không nói là làm gì và địa chỉ cụ thể tại đâu, thỉnh thoảng có về qua nhà rồi đi luôn.

3/ Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Trần Ngọc K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Bùi Nhật L; khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Bảo Trâm, sinh ngày 18/5/2015, anh K chưa đề nghị chị L cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thu lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 58 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Trần Ngọc K được ly hôn với chị Bùi Nhật L. Về con chung: Giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Bảo Trâm, sinh ngày 18/5/2015 đến khi cháu Trâm đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của anh chưa yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh K xác nhận không có nên không đề cập giải quyết. Anh K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Trần Ngọc K khởi kiện chị Bùi Nhật L là vụ án dân sự tranh chấp “ ly hôn”, căn cứ vào sổ hộ khẩu gia đình chị L có nơi cư trú tại xóm B, xã T, huyện C, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong.

(Tại phiên tòa ngày 29/3/2021, nguyên đơn anh Trần Ngọc K có mặt, bị đơn chị Bùi Nhật L vắng mặt không có lý do (vắng mặt lần thứ nhất) nên HĐXX không xét xử được vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Bùi Nhật L vắng mặt không có lý do (vắng mặt lần thứ 2) vì vậy căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.)

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy đăng ký kết hôn số 27, ngày 28/10/2014 do UBND xã Thu Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình cấp, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Ngọc K và chị Bùi Nhật L là hợp pháp. Trong quá chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ không quan tâm đến chồng con, tự ý bỏ đi 3 năm nay không quan tâm gì đến chồng và gia đình. Qua xác minh tại chính quyền địa phương ông Trưởng xóm Đ, ông Trưởng xóm B xã Thu Phong và ông trưởng Công an xã Thu Phong, huyện Cao Phong cho thấy: Chị L không chăm lo gia đình, ham chơi không quan tâm gì đến chồng con đúng như anh K đã trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị L đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng chị L đều cố tình vắng mặt. HĐXX xét thấy: Hôn nhân giữa anh K và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trần Ngọc K.

[3]. Về con chung: Xác định anh Trần Ngọc K và chị Bùi Nhật L có 01 con chung là Trần Bảo Trâm, sinh ngày 18/5/2015, anh K xin được nuôi con và chưa yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con sau ly hôn. Xét nguyện vọng của anh K HĐXX xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh K, giao cho anh Trần Ngọc K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Bảo Trâm, sinh ngày 18/5/2015 cho đến khi cháu Trâm đủ 18 tuổi. Chị L chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Anh Trần Ngọc K không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về công nợ chung: Anh K xác nhận không có công nợ chung.

Chị Bùi Nhật L vắng mặt không có lời khai về tài sản chung và công nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Trần Ngọc K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Ngọc K.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc K được ly hôn với chị Bùi Nhật L.

1.2. Về con chung: Giao cho anh Trần Ngọc K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Bảo Trâm, sinh ngày 18/5/2015 cho đến khi cháu Trâm đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con anh K chưa yêu cầu nên Chị L chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Trần Ngọc K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: **0003822, ngày 14 tháng 12 năm 2020** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp L.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Cao Phong;
- THADS huyện Cao Phong;
- UBND xã Thu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Thịnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Thịnh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO PHONG
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 19 tháng 4 năm 2021
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng và ông Vũ Duy Tân.
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 109/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc: Tranh chấp ly hôn giữa:
Nguyên đơn: Anh **Trần Ngọc K** - Sinh năm 1992; (có mặt)
Cư trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện C, tỉnh H.
Bị đơn: Chị **Bùi Nhật L** - Sinh năm 1996; (vắng mặt không có lý do)
Cư trú tại: Xóm B, xã T, huyện C, tỉnh H.
Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84. Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Ngọc K, xử cho anh Trần Ngọc K được ly hôn với chị Bùi Nhật L.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

1.1. Về con chung: Giao cho anh Trần Ngọc K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Bảo Trâm, sinh ngày 18/5/2015 cho đến khi cháu Trâm trưởng thành. Chị L chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

1.2. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án. Anh Trần Ngọc K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0003822 ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay ngày niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 4 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Thịnh

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hòa Bình
- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Cao Phong
- Công an huyện Cao Phong
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình
- Các bị cáo
- Người bị hại
- THADS huyện Cao Phong
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

